

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 11- 9- 2018  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Chuy.
2. Bà Hồ Thị Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường xét xử số 3 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXX-ST- ngày 07 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74 ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thúy A – Sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, khu 3A, phường G, TP. H, Quảng Ninh.

Chỗ ở: Tổ 15, khu 3, phường T, TP. H, Quảng Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc N – Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ 12, khu 3A, phường G, TP. H, Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thúy A trình bày: Chị và anh Trần Quốc N chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ có chồng và anh chị có khoảng thời gian tìm hiểu nhau là 01 (một) năm trước khi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, trong cách

sinh hoạt, anh N thường hay uống rượu bia, say xỉn, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm, ý thức vun vén hạnh phúc gia đình. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ giữa năm 2017, chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ thời điểm đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, bản thân chị cũng hết tình cảm với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có một con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận giữa chị và anh N không nợ ai.

Bị đơn - anh Trần Quốc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh N đều vắng mặt và không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lương Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày; anh Trần Quốc N vắng mặt nên không có quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lương Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc N - Nơi cư trú: Tổ 12, khu 3 A, phường G, TP. H, Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Bị đơn là anh Trần Quốc N được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quốc N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thúy A về hôn nhân: Chị A và anh N tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn ngày 24/7/2009 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nên hôn nhân giữa chị A và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án. Nhưng anh N không đến tòa và cũng không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Ủy ban nhân dân phường G cũng xác nhận vợ chồng chị A, anh N có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Tại biên bản lấy lời khai của con chung – cháu Trần Quốc B cũng thừa nhận bố mẹ cháu có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị A xác nhận không còn tình cảm gì với anh N và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị A và anh N là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị A cương quyết ly hôn với anh N là có cơ sở nên chấp nhận xử cho chị Lương Thúy A được ly hôn với anh Trần Quốc N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Lương Thúy A và anh Trần Quốc N có một con chung là cháu Trần Quốc B - Sinh ngày 04/10/2009, tại thời điểm xét xử cháu đã trên 7 tuổi, vì vậy Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu B nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ. Trong quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, anh N cố tình không cung cấp quan điểm giải quyết vụ án nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nguyện vọng của chị A, cháu B và lợi ích của cháu B, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, phát triển về thể chất cũng như tinh thần, cần giao cháu Trần Quốc B cho chị Lương Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Do anh N vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Chị A xác nhận chị và anh N không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lương Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nghị phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thúy A về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần Quốc N.

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thúy A được ly hôn với anh Trần Quốc N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 04/10/2009 cho chị Lương Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thúy A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002764 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. H;
- Chi cục thi hành án dân sự tp. H;
- UBND p. G, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Phương**